

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Câu 1. Khái niệm Bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình vốn kinh doanh của đơn vị cả về tài sản và nguồn vốn hiện có của đơn vị ở một thời điểm nhất định. Thời điểm quy định là ngày cuối cùng của 1 kỳ kế toán.

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu của tài sản và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Câu 2: Đối tượng lập bảng cân đối kế toán

Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

Người lập biểu là cá nhân phải ghi rõ số chứng chỉ hành nghề.

Câu 3. BCĐKT lập vào thời điểm nào

Theo yêu cầu của nhà nước thì doanh nghiệp cần lập bảng cân đối kế toán vào 31/12 hàng năm.

Câu 4: Sự cần thiết của BCĐKT

Nhìn vào bảng cân đối kế toán, ta thấy được một bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính của công ty đó.

Bảng cân đối kế toán gồm 2 phần: Tổng tài sản và Tổng vốn



Số tài sản ở trong bảng cân đối sẽ phản ánh toàn bộ những tài sản mà công ty hiện có trong thời điểm lập Báo cáo tài chính. Những tài sản này đều thuộc quyền sử dụng và quản lý của doanh nghiệp.

Các dữ liệu ở trong Bảng cân đối sẽ có tác dụng phản ánh toàn bộ những quy mô của doanh nghiệp. Kèm theo đó là những loại tài sản. Những vốn tài sản sẵn có của doanh nghiệp tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Những đối tượng này sẽ được tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc hình thức phi vật chất.

Khi nhìn vào BCĐKT một số chỉ tiêu cần đặc biệt quan tâm như:

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu
- Doanh thu qua các năm giảm
- Khoản mục “chi phí khác” trên bảng cân đối kế toán (lớn bất thường)
- Dòng tiền (thiếu ổn định – trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ)
- Khoản phải thu và hàng tồn kho
- Vốn chủ sở hữu
- Nợ vay (Nợ vay luôn cao hơn tài sản bảo đảm, lạm dụng đòn bẩy tài chính quá nhiều)
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu thuần (Tỷ suất lợi nhuận biên)

Các nhà quản trị muốn đưa ra được các quyết định kinh doanh thì họ đều căn cứ vào điều kiện hiện tại và những dự đoán về tương lai, dựa trên những thông tin có liên quan đến quá khứ và kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp đã đạt được. Những thông tin đáng cậy đó được doanh nghiệp lập trên bảng cân đối kế toán.

Xét trên phương diện vi mô: Nếu doanh nghiệp không thiết lập bảng cân đối kế toán. Các nhà đầu tư cũng như chủ nợ, khách hàng sẽ không có cơ sở để biết về tình hình tài chính của doanh nghiệp cho nên họ khó có thể đưa ra những quyết định hợp tác kinh doanh và nếu có thì những quyết định đó sẽ có rủi ro cao.

Xét trên phương diện vĩ mô: Nhà nước không thể quản lý được tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc kiểm tra các chứng từ hóa đơn trở nên khó khăn, tốn kém và độ chính xác không cao. Vì vậy nhà nước phải dựa vào hệ thống BCTC trong đó bao gồm bảng cân đối kế toán để điều tiết và quản lý nền kinh tế.

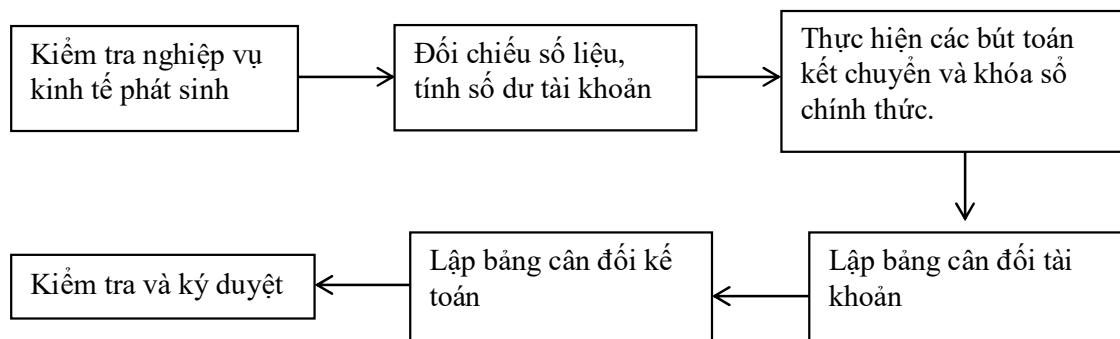
YÊU CẦU CỦA BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

- Đảm bảo tính trung thực và hợp lý: Các mục phải được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, các quy định có liên quan hiện hành.
- Phản ánh đúng bản chất của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Trình bày khách quan và thận trọng.
- Trình bày đầy đủ mọi khía cạnh trọng yếu.

CƠ SỞ LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KT:

- Căn cứ vào số kế toán tổng hợp
- Căn cứ vào số, thẻ KT chi tiết hoặc bảng tổng hợp chi tiết.
- Căn cứ vào bảng cân đối kế toán năm trước để trình bày cột đầu năm.
- Chuẩn mực chế độ kế toán và.....

QUY TRÌNH LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KT:



Câu 5: Các chỉ tiêu của bản cân đối kế toán

- Cơ cấu tài sản
- Cơ cấu nguồn vốn
- Vòng quay tài sản
- Vòng quay hàng tồn kho
- Khả năng thanh toán
- + Khả năng thanh toán hiện hành
- + Khả năng thanh toán nhanh
- + Khả năng thanh toán bằng tiền mặt

*Các phương pháp kế toán:

1. Phương pháp chứng từ kế toán
2. Phương pháp tính giá
3. Phương pháp đối ứng tài khoản
4. Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán

Các phương pháp kế toán ảnh hưởng đến chỉ tiêu cơ cấu tài sản vì phương pháp kế toán là các phương thức, biện pháp kế toán sử dụng để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về tài sản, sự biến động của tài sản và các quá trình hoạt động kinh tế tài chính

Câu 6: Căn cứ vào đâu để phân biệt TS ngắn hạn và TS dài hạn, vì sao tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn

CĂN CỨ VÀO THỜI GIAN ĐÁO HẠN

Đối với doanh nghiệp có chu kì kinh doanh bình thường trong vòng 12 tháng

- Tài sản được thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tính kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào tài sản ngắn hạn
- Tài sản được thu hồi từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được xếp vào tài sản dài hạn

Đối với doanh nghiệp có chu kì kinh doanh bình thường dài hơn 12 tháng

- Tài sản được thu hồi trong vòng 1 chu kì kinh doanh được xếp vào tài sản ngắn hạn
- Tài sản được thu hồi toán trong thời gian dài hơn 1 chu kì kinh doanh được xếp vào tài sản dài hạn

CĂN CỨ VÀO TÍNH THANH KHOẢN

Tài sản ngắn hạn thường là những tài sản có tính thanh khoản cao và được bán nhanh chóng thu hồi tiền cho doanh nghiệp

- Tài sản dài hạn là những tài sản ít thay đổi hình thái giá trị trong suốt chu kỳ kinh doanh, do đó tài sản dài hạn khó chuyển đổi thành tiền mặt hơn tài sản ngắn hạn, tài sản tính thanh khoản kém

TẠI SAO TỔNG TÀI SẢN BẰNG TỔNG NGUỒN VỐN TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ?

- Tài sản: Là nguồn lực do doanh nghiệp kiểm soát và có thể thu được lợi ích kinh tế trong tương lai. (Ví dụ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, khoản phải thu...những cái này là doanh nghiệp kiểm soát được và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai).
- Nguồn vốn: Là nguồn hình thành nên tài sản. Tài sản chỉ có duy nhất 2 nguồn hình thành là:

+ Tài sản tự có: Ví dụ như tiền chúng ta có được là do chúng ta đi làm có được, do được chia cổ tức, do ai đó tặng mà chúng ta không phải trả cho ai, do kết quả sản xuất kinh doanh của chúng ta làm ăn có lợi nhuận....Vậy tài sản hình thành từ nguồn mà không phải trả cho ai thì gọi tài sản đó được hình thành từ **VỐN CHỦ SỞ HỮU**.

+ Tài sản chúng ta có được do mua chịu, mua thiếu, mua bằng đi vay: Tài sản mà được hình thành từ do mua chịu, mua thiếu, mua bằng đi vay. Mà mua chịu, mua thiếu, mua bằng đi vay thì phải có nghĩa vụ phải trả. Nên Tài sản được hình thành từ mua chịu, mua thiếu, mua bằng đi vay thì người ta gọi tài sản được hình thành từ **NỢ PHẢI TRẢ**.

KẾT LUẬN: Tài sản có 2 nguồn hình thành là **VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ NỢ PHẢI TRẢ**.

Vậy nên tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn là do:

- Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh xảy ra thì luôn luôn ghi 2 tài khoản. Một bên ghi nợ và 1 bên ghi có và số tiền 2 bên phải bằng nhau. Đây là nguyên tắc kế toán kép.

- Và bất kỳ 1 nghiệp vụ kinh tế phát sinh nào xảy ra trong công ty, cho dù ghi nhận như thế nào thì cuối cùng cũng làm cho giá trị của tài sản tăng lên hoặc giá trị của tài sản giảm xuống. Mà Tài sản thì có nguồn hình thành. Nên một khi giá trị của tài sản tăng lên hay giảm xuống thì Nguồn vốn cũng phải tăng lên hay giảm xuống bằng với giá trị của tài sản tăng lên hay giảm xuống. Do đó ta có phương trình kế toán cân bằng giữa Tài sản và Nguồn vốn trong bảng cân đối kế toán như sau:

Tổng nguồn vốn = Nợ phải trả + Nguồn vốn chủ sở hữu

Tổng tài sản = Nợ phải trả + Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn chủ sở hữu = Tổng tài sản – Tổng nguồn vốn

Tổng tài sản = Tổng nguồn vốn

Câu 7: Các phương pháp kế toán ảnh hưởng đến chỉ tiêu:

Phương pháp kế toán là phương thức, các biện pháp kế toán sử dụng để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về tài sản, sự biến động của tài sản và các quá trình hoạt động kinh tế tài chính.